

Bản án số: 27/2019/HS-ST
Ngày: 15-11-2019

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HỒNG NGỰ, TỈNH ĐỒNG THÁP**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Nông Phú.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Ngô Thị Lệ Nga.

Ông Nguyễn Văn Ta.

- Thư ký phiên tòa: Ông Dương Thành Tâm, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên tòa: Ông Trần Thanh Tùng - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 11 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 24/2019/TLST-HS ngày 25 tháng 10 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 27/2019/QĐXXST-HS ngày 04 tháng 11 năm 2019, đối với bị cáo:

T, năm sinh 1983, tại An Giang. Nơi cư trú: ấp B, xã T, huyện H, tỉnh Đồng Tháp; nghề nghiệp: làm thuê; trình độ học vấn: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Thiên chúa; quốc tịch: Việt Nam; con ông Q và bà H; có vợ và 02 con; tiền án, tiền sự: chưa có; tạm giữ ngày 21 tháng 8 năm 2019, tạm giam ngày 30 tháng 8 năm 2019; có mặt.

- Bị hại: L, năm sinh 1987; nơi cư trú: ấp 3, xã T, huyện H, tỉnh Đồng Tháp; vắng mặt.

- Người tham gia tố tụng khác:

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

1. K, năm sinh 1963, nơi cư trú: ấp 3, xã T, huyện H, tỉnh Đồng Tháp; vắng mặt.

2. X, năm sinh 1985, nơi cư trú: ấp 1, xã T, huyện H, tỉnh Đồng Tháp; vắng mặt.

3. X1, năm sinh 1975, nơi cư trú: ấp 3, xã T, huyện H, tỉnh Đồng Tháp; vắng mặt.

Người làm chứng: H1, K, N, N1, S; đều vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào lúc 07 giờ 30 phút ngày 19 tháng 8 năm 2019, T từ nhà mẹ ruột, ở thị xã T, tỉnh An Giang, qua huyện H mục đích đi tìm tài sản lấy trộm. T đi bộ theo đường ĐT, hướng từ thị trấn T lên xã T, phát hiện chiếc xe mô tô màu sơn xanh, không biển số, chìa khóa còn cắm vào ổ khóa, không người quản lý, dựng ven đường (không nhớ địa chỉ cụ thể). T đến lấy xe mở khóa nổ máy điều khiển về hướng xã T. Khi qua khỏi Chùa P, thuộc ấp B, xã T, T nhìn thấy chiếc xe mô tô biển số 66G1-xxx còn mới, của anh L dựng trước cổng Chùa, chìa khóa còn cắm vào ổ. T điều khiển xe quay lại dựng cặp vào xe anh L, rồi lấy trộm xe anh L chạy lên hướng biên giới T. Chạy được một đoạn, T dừng lại mở cốp xe, thấy có 350.000 đồng và một cò lê. T lấy tiền để vào túi quần và lấy cò lê mở biển số để vào trong cốp xe, tiếp tục điều khiển xe sang Campuchia đánh bạc thua hết 350.000 đồng. Sau đó, T đem xe cầm 6.000.000 đồng, đánh bạc tiếp, thắng được 13.000.000 đồng, cộng với số tiền cầm xe là 19.000.000 đồng. T nghỉ chơi đi về xã T, đến tiệm điện thoại T mua một điện thoại di động hiệu Samsung Galaxy A10 giá 3.050.000 đồng và chuộc xe anh L, số tiền còn lại tiêu xài cá nhân. Đến ngày 21 tháng 8 năm 2019, bị Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Hồng Ngự bắt giữ về hành vi trộm cắp tài sản.

Vật chứng thu giữ:

- Xe mô tô nhãn hiệu HONDA, loại Wave RSX, màu sơn xanh, đen, biển số 66G1-xxx, đã qua sử dụng. Cơ quan điều tra đã xử lý vật chứng trả lại cho bị hại L.

- Xe mô tô Wave, màu sơn xanh, số máy: 32131593, số khung: VHCWCH 032 HC010746, không biển số, không giấy tờ, đã qua sử dụng. Cơ quan điều tra đã thông báo truy tìm chủ sở hữu nhưng chưa xác định được chủ sở hữu.

- Xe mô tô màu đen, nhãn hiệu SUZUKI, loại Viva, đã qua sử dụng, biển số 66H1-XXX và giấy đăng ký xe. Xe này T mua của chị X1 từ nguồn tiền do phạm tội mà có. Cơ quan điều tra đã xử lý vật chứng trả lại cho chị X1.

- Một điện thoại di động Samsung Galaxy A10, đã qua sử dụng, T mua của chị X từ nguồn tiền do phạm tội mà có. Cơ quan đã xử lý vật chứng trả lại cho chị X.

- Xe mô tô nhãn hiệu HONDA, loại xe Wave, màu sơn đỏ, đen, bạc, đã qua sử dụng, biển số 66L8-1068, do T lấy trộm ở huyện T. Cơ quan điều tra đã bàn

giao cho Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Tháp Mười, tỉnh Đồng Tháp để xử lý theo quy định pháp luật.

- Tiền Việt Nam: 17.417.000 đồng, gồm:

- + Tiền bán điện thoại 3.050.000 đồng do chị X nộp lại.

- + Tiền bán xe 7.800.000 đồng, do chị X1 nộp lại và tiền T gửi lưu ký khi bị bắt tại nhà tạm giữ 6.567.000 đồng, tổng cộng 14.367.000 đồng. Khoản tiền này, do T thực hiện hành vi phạm tội mà có ở thị xã T, nên Cơ quan điều tra đã bàn giao lại cho Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thị xã T, tỉnh An Giang xử lý theo thẩm quyền.

- Một đồng hồ hiệu Rado là tài sản của T không liên quan đến vụ án.

Tại 02 Bản kết luận định giá tài sản số 11/KLĐG-TSHS ngày 23 tháng 8 năm 2019 và 13/KLHĐĐGTS-TSHS ngày 19 tháng 9 năm 2019 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện H kết luận: Xe mô tô biển số 66G1-xxx, đã qua sử dụng, trị giá 19.000.000 đồng. Xe mô tô số máy: 32131593, số khung: VHCWCH 032 HC010746, không biển số, không giấy tờ, đã qua sử dụng trị giá 700.000 đồng.

Tại Cáo trạng truy tố số 24/CT-VKSHN ngày 24 tháng 10 năm 2019 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp; luận tội của Kiểm sát viên tại phiên tòa, đề nghị:

- Áp dụng khoản 1 Điều 173, điểm b, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 (sau đây viết tắt là BLHS), xử phạt bị cáo T từ 12 đến 18 tháng tù về “Tội trộm cắp tài sản”.

- Vật chứng: Căn cứ Điều 47 Bộ luật hình sự, Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự, đề nghị tịch thu sung ngân sách xe mô tô không biển số, 3.050.000 đồng, trả lại cho bị cáo T 01 đồng hồ hiệu Rado.

- Về dân sự: Không có yêu cầu.

Bị cáo T thống nhất đề nghị của Kiểm sát viên, ý kiến tranh luận và lời nói sau cùng, bị cáo xin được giảm nhẹ hình phạt để trở về với gia đình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát nhân dân huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp, Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng quy định về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo khai nhận hành vi phạm tội phù hợp với quy định của pháp luật. Bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết

định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Các hành vi tội phạm bị cáo thực hiện tại các địa phương khác đã được xem xét xử lý riêng nên không đề cập đến.

[2] Tại phiên tòa, bị cáo T khai nhận hành vi của mình như nội dung Cáo trạng, phù hợp với lời khai tại Cơ quan điều tra và phù hợp với các tài liệu, chứng cứ thu thập trong hồ sơ vụ án, chứng minh được:

[3] Bị cáo là người có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự có hành vi cố ý trực tiếp trộm cắp tài sản là xe mô tô biển số 66G1-xxx, của anh L, trị giá 19.000.000 đồng và xe mô tô không biển số, trị giá 700.000 đồng. Do đó, đã đủ căn cứ kết luận hành vi của bị cáo T phạm “Tội trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 BLHS.

[4] Điều 173 BLHS, quy định:

“1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm:...”

[5] Như vậy, Viện kiểm sát truy tố bị cáo T là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[6] Về tính chất, mức độ nghiêm trọng của hành vi phạm tội, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và hình phạt đối với bị cáo: Bị cáo nhận thức được hành vi chiếm đoạt tài sản của người khác là vi phạm pháp luật nhưng vẫn cố ý thực hiện, trực tiếp xâm phạm tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ. Hành vi của bị cáo đã làm ảnh hưởng đến tình hình an ninh trật tự ở địa phương, làm cho nhân dân hoang mang lo lắng; là nguy hiểm cho xã hội, thể hiện sự bất chấp, xem thường pháp luật. Do đó, cần phải có mức hình phạt tương xứng, cần thiết cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian nhất định nhằm giáo dục bị cáo trở thành công dân tốt và có tác dụng phòng ngừa chung, thể hiện tính nghiêm minh của pháp luật.

[7] Về nhân thân: Bị cáo chưa có tiền án, tiền sự, nhưng bị cáo khai tại phiên tòa, ngày 13 tháng 11 năm 2019, đã bị Tòa án nhân dân huyện Tháp Mười, tỉnh Đồng Tháp tuyên bố phạm tội trộm cắp tài sản và xử phạt 09 tháng tù.

[8] Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Không có.

[9] Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo đã giao nộp lại tài sản khắc phục hậu quả; phạm tội lần đầu (do bản án của Tòa án nhân dân huyện Tháp Mười chưa có hiệu lực pháp luật nên áp dụng nguyên tắc có lợi cho bị cáo) và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải quy định tại các điểm b, i, s khoản 1 Điều 51 BLHS. Do vậy, các tình tiết trên để giảm nhẹ cho bị cáo khi quyết định hình phạt, thể hiện tính nhân đạo của pháp luật xã hội chủ nghĩa. Ý kiến đề nghị của Kiểm sát viên là phù hợp nên chấp nhận.

[10] Về trách nhiệm dân sự: Không có yêu cầu nên không xem xét.

[11] Về vật chứng: Viện kiểm sát đề nghị là phù hợp nên chấp nhận.

[12] Về án phí: Buộc bị cáo chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.

[13] Qua vụ án này cho thấy, sự lơ là của bị hại, để xe ngoài đường, không lấy chìa khóa ra khỏi xe, không trông coi là điều kiện thuận cho tội phạm trộm cắp tài sản. Cho nên, người dân cần nâng cao ý thức, chủ động có biện pháp bảo vệ an toàn tài sản của mình.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào khoản 1 Điều 173, các điểm b, i, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017,

Tuyên bố: Bị cáo T phạm “Tội trộm cắp tài sản”.

Xử phạt bị cáo T 01 (Một) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày 21 tháng 8 năm 2019.

2. Căn cứ vào điểm a, b khoản 2, điểm a khoản 3 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015, điểm a, b, c khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017, xử lý vật chứng, tịch thu vật, tiền trực tiếp liên quan đến tội phạm:

2.1. Tịch thu sung vào ngân sách nhà nước: 01 (Một) xe mô tô không biển kiểm soát, loại xe Wave, màu sơn xanh, số máy: 32131593, số khung: VHCWCH032HC010746, xe đã qua sử dụng; khoản thu lợi bất chính từ việc phạm tội, số tiền 3.050.000 (Ba triệu không trăm năm mươi nghìn) đồng.

2.2. Trả lại cho T 01 (Một) đồng hồ hiệu Rado, đã qua sử dụng.

(Vật chứng do Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp đang quản lý theo Biên bản Về việc giao nhận vật chứng, tài sản ngày 25 tháng 10 năm 2019 và Biên lai thu tiền số: AN/2010/004685 ngày 25 tháng 10 năm 2019.)

3. Về án phí, Căn cứ vào khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Buộc bị cáo T phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 15 tháng 11 năm 2019). Đối với bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày họ nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- Các bị cáo;
- Viện kiểm sát, Cơ quan điều tra cùng cấp;
- Viện kiểm sát cấp trên trực tiếp;
- Cơ quan thi hành án hình sự có thẩm quyền;
- Nơi đang giam giữ bị cáo (nếu có);
- Cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền;
- Ủy ban nhân dân các xã giám sát, giáo dục bị cáo được hưởng án treo;
- Lưu hồ sơ vụ án, Văn phòng lưu trữ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Nông Phú